

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ TẠI CÁC TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Hưng¹,
Bùi Thị Thu Anh^{2,+}

¹Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;

²Học viên cao học K28, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

+Tác giả liên hệ • Email: bthuanh@gmail.com

Article History

Received: 17/10/2020

Accepted: 20/11/2020

Published: 20/12/2020

Keywords

intellectual disability, career guidance, guidance education, guidance ability, career-oriented education.

ABSTRACT

Career-oriented education for students with disabilities in general and students with intellectual disabilities in particular in Hai Phong city has been interested in implementing. However, this work only focused on vocational training purposes, not on vocational education activities for students with intellectual disabilities. The article presents main findings in the survey to assess the current situation of occupational skills of students with intellectual disabilities at specialized schools in Hai Phong city. This result is a practical basis for those who work in educating students with intellectual disabilities to choose career-oriented education topics and proposes necessary and feasible measures to improve the efficiency of vocational education for students with intellectual disabilities, contribute to improving the quality of education and educational efficiency for students with intellectual disabilities.

1. Mở đầu

Trên địa bàn TP. Hải Phòng có 2 trường chuyên biệt dành cho học sinh (HS) khuyết tật. Trường Khiếm thính Hải Phòng (thành lập năm 1976) với nhiệm vụ là can thiệp sớm và giáo dục cho đối tượng HS khiếm thính, chậm phát triển ngôn ngữ, khuyết tật trí tuệ (KTTT), tự kỉ và đa tật; ngoài ra, Trường còn thực hiện giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và phục hồi chức năng cho HS khuyết tật. Tổng số cán bộ, giáo viên của Trường là 29; trong đó có 8 giáo viên được đào tạo trình độ đại học về chuyên ngành giáo dục đặc biệt. Tổng số HS của trường năm học 2019-2020 là 243 HS, được chia làm 17 lớp, với 48 em là HS KTTT. Trường nuôi dạy trẻ khiếm thị Hải Phòng (thành lập năm 1991); với nhiệm vụ là tổ chức, điều tra nhu cầu học tập của thanh thiếu niên khiếm thị trên địa bàn thành phố, can thiệp sớm, dạy văn hoá bằng chữ nổi và từng bước dạy nghề cho HS khiếm thị. Trường có tổng số giáo viên là 16; trong đó có 11 giáo viên được đào tạo trình độ đại học về chuyên ngành giáo dục đặc biệt. Tổng số HS của trường năm học 2019-2020 là 132 em, được chia làm 11 lớp, với 62 em là HS KTTT.

Công tác GDHN cho HS khuyết tật nói chung và HS KTTT nói riêng trên địa bàn TP. Hải Phòng được thực hiện chủ yếu ở 2 trường chuyên biệt nêu trên. Tuy nhiên, ở cả 2 trường chỉ mới tập trung vào mục đích dạy nghề chứ chưa chú trọng đến hoạt động GDHN cho HS KTTT. Bài báo tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của HS KTTT tại các trường chuyên biệt trên địa bàn TP. Hải Phòng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Giới thiệu chung về khảo sát thực trạng

- *Mục đích khảo sát:* Nghiên cứu được thực hiện đối với 35 HS KTTT đang học tại 2 trường chuyên biệt tại TP. Hải Phòng năm học 2019-2020 nhằm: tìm hiểu mức độ KTTT HS; thực trạng khả năng hướng nghiệp của HS KTTT và nhu cầu GDHN cho HS KTTT tại 2 trường này.

- *Nội dung khảo sát:* Đánh giá mức độ KTTT của HS KTTT tại 2 trường chuyên biệt trong địa bàn khảo sát; Đánh giá thực trạng khả năng hướng nghiệp của HS KTTT đang học tại 2 trường chuyên biệt.

- *Công cụ khảo sát:* Chúng tôi sử dụng trắc nghiệm Raven màu để kiểm tra chỉ số thông minh (IQ) của HS KTTT; Sử dụng bảng hỏi về kỹ năng nghề nghiệp dành cho HS KTTT. Bảng hỏi có tham khảo trắc nghiệm khả năng của Richard Knowdell và trắc nghiệm về sở thích của Holland RIASEC (Thực tế - Realistic; Nghiên cứu - Investigative; Nghệ thuật - Artistic; Xã hội - Social; Kinh doanh - Enterprise; Công chức - Conventional).

2.2. Kết quả khảo sát kỹ năng nghề nghiệp của học sinh khuyết tật trí tuệ tại các trường chuyên biệt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.2.1. Mức độ khuyết tật của học sinh khuyết tật trí tuệ tham gia khảo sát

Để tìm hiểu mức độ khuyết tật của các HS KTTT đang học hoà nhập tại các trường chuyên biệt trên địa bàn TP. Hải Phòng, chúng tôi sử dụng trắc nghiệm Raven màu để đánh giá từng HS. Theo trắc nghiệm Raven màu, những HS có chỉ số thông minh (IQ) từ 55-70 là KTTT mức độ nhẹ; IQ từ 40-55 là KTTT mức độ trung bình; IQ từ 25-40 là KTTT mức độ nặng; những HS có IQ dưới 25 là KTTT mức độ rất nặng.

Số liệu điều tra cho thấy, số HS KTTT mức độ trung bình đang học hoà nhập tại các trường chuyên biệt chiếm tỉ lệ cao nhất (66%). Trong đó, gần 1/4 số HS tham gia khảo sát (23%) có KTTT mức độ nặng; số HS KTTT mức độ nhẹ chiếm xấp xỉ 12%. Trong 35 HS KTTT tham gia khảo sát, không có HS nào ở mức KTTT mức độ rất nặng. Điều này có thể lí giải bởi một số nguyên nhân: Hầu hết HS KTTT mức độ nhẹ đã chuyển ra tham gia học hòa nhập ở các cơ sở giáo dục hòa nhập phổ thông hoặc tham gia học nghề khi đủ tuổi; tỉ lệ HS KTTT mức độ trung bình và nặng tham gia học tại cơ sở chuyên biệt là cao nhất; theo đó, nhu cầu hướng nghiệp học nghề của 2 nhóm HS này cũng rất lớn. Nhóm HS KTTT mức độ rất nặng/nghiêm trọng rất khó tham gia được vào hoạt động học tập kiến thức, ngay cả tại trường chuyên biệt. Mục đích can thiệp chính dành cho nhóm đối tượng này là phục hồi chức năng, kĩ năng tự phục vụ.

2.2.2. Khả năng hướng nghiệp của nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ tham gia khảo sát

Để có cơ sở lựa chọn các chủ đề GDHN phù hợp với HS KTTT, cần phải tìm hiểu về khả năng hướng nghiệp của các em như thế nào. Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu khả năng hướng nghiệp của HS KTTT liên quan đến một số nhóm nghề mà sau này các em có thể học và thu được kết quả tại *bảng 1*:

Bảng 1. Khả năng hướng nghiệp của HS KTTT

TT	Lĩnh vực	Khả năng cụ thể	Số lượng lựa chọn mức độ		
			Tốt	Khá	Kém
1	Cày cấy, trồng trọt	Trồng rau quả, hoa, cây hay vườn cỏ, nhỏ cỏ, thu hoạch, tía, xén, cắt, ghép, trồng tưới, bón phân đất	9	21	5
2	Giảng dạy, đào tạo	Thông báo, giải thích, chỉ dẫn cho người khác	0	0	35
3	Quan sát	Nghiên cứu, phê bình, kiểm soát dữ kiện, người hay vật một cách khoa học	0	0	35
4	Nấu nướng	Rửa, cắt, trộn, nướng, sắp xếp thực phẩm, trình bày sản phẩm	1	5	29
5	Sắp xếp và bảo quản hồ sơ	Ghi chép các chi tiết chính xác, cập nhật, ghi hồ sơ, thống kê, sắp xếp thứ tự, tính toán dữ kiện	0	2	33
6	Đọc, duyệt các văn bản	Đọc các văn bản/bản thảo, sửa lỗi chính tả, cách viết	0	2	33
7	Thí nghiệm	Đo lường các khả năng, phẩm chất hay giá trị, kiểm soát	0	0	35
8	Làm các đồ thủ công mỹ nghệ	Tạo hình, dệt, gắn, vẽ hoặc điêu khắc các sản phẩm/vật kỉ niệm hoặc sản phẩm trưng bày	4	25	6
9	Chăm sóc, chăm sóc	Chăm sóc sức khoẻ cho bệnh nhân hoặc khách hàng	0	3	32
10	Cố vấn, tư vấn	Đưa ra các chỉ dẫn, cho ý kiến về một vấn đề nào đó	0	0	35
11	Tính toán	Thực hiện các phép tính đại lượng (cộng, trừ, nhân, chia), thực hiện các hoạt động mua bán đơn giản	0	1	34
12	Phân tích	Phân chia, tìm ra các trở lại một cách hợp lí	0	0	35
13	Đánh giá	Đánh giá, nhận xét, phê bình, nhận định giá trị, phẩm chất hay sự thực hiện	0	0	35
14	Tổng hợp	Tổ hợp, khái quát, nhập chung các yếu tố riêng rẽ, các phần tử khác nhau nào đó thành một tập có liên quan đến nhau	0	0	35
15	Phân loại, xếp loại	Chia ra thành nhiều loại, nhiều nhóm, hệ thống khác nhau	0	5	30
16	Kiểm soát, quản lí	Tổ chức, điều khiển, xem xét, kiểm tra các công việc theo yêu cầu nhất định	0	0	35
17	Làm việc với hình ảnh	Vẽ sơ lược, hoạ, trình bày, chụp hình	0	0	35

18	Chăm sóc vật nuôi	Cho ăn, huấn luyện, tắm rửa cho vật nuôi, gia súc hoặc gia cầm	4	15	16
19	Thiết kế	Phác hoạ các thủ tục, chương trình, sản phẩm, môi trường sáng tạo	0	0	35
20	Đọc để tìm hiểu thông tin	Nghiên cứu kỹ lưỡng và hữu hiệu các sách vở, tài liệu	0	0	35
21	Làm việc liên quan đến máy móc	Lắp ráp, điều chỉnh, sửa chữa, điều hành các động cơ hay máy móc	0	0	35
22	Thương lượng, đàm phán	Trao đổi, bàn bạc để đi đến thoả thuận, giải quyết một vấn đề nào đó	0	0	35
23	Mua bán	Trao đổi hàng hoá, sử dụng tiền trong mua bán, trao đổi hàng hoá	3	5	27
24	Tổ chức, biểu diễn	Tổ chức hoặc biểu diễn kịch, mỹ thuật, thời trang, triển lãm	0	1	34
25	Tiếp đón, phục vụ	Chào đón khách, phục vụ khách trong các nhà hàng, khách sạn	0	3	32
26	Viết	Viết báo cáo, thơ, diễn văn, quảng cáo, truyện hay tài liệu	0	0	35
27	Vận chuyển	Lái, nâng, nhấc, mang vác, chuyên chở	0	0	35
28	Làm nghề mộc	Đo đạc, thiết kế, đóng mới hoặc sửa chữa các sản phẩm bằng gỗ	0	1	34
29	Lên kế hoạch, tổ chức	Xác định mục tiêu, mục đích, sắp xếp và phát triển chương trình/kế hoạch	0	0	35
30	Đưa ra quyết định	Đưa ra ý kiến, quyết định	0	8	27
31	Dùng sức, sự nhanh nhẹn	Đi bộ, leo trèo, chạy nhảy, giữ thăng bằng, hoạt động thể dục thể thao	4	5	26
32	Trình diễn, giải trí	Biểu diễn ca hát nhảy múa, diễn xuất, chơi nhạc, thuyết trình	0	1	34
33	Tương tượng, tiên đoán	Tương tượng, dự đoán trước những điều có thể xảy ra	3	6	27
34	Tạo ra ý tưởng	Hồi tưởng, suy nghĩ, tưởng tượng, bàn bạc	2	5	28

Nguồn: Tham khảo trực nghiệm khả năng của Richard L. Knowdell (2010)

Bảng 1 cho thấy, tất cả số HS KTTT tham gia khảo sát đều thể hiện kém ở các lĩnh vực: Giảng dạy, đào tạo; Quan sát; Thí nghiệm; Cố vấn, tư vấn; Phân tích; Đánh giá; Tổng hợp; Kiểm soát, quản lí; Làm việc với hình ảnh; Thiết kế; Đọc để tìm hiểu thông tin; Làm việc liên quan đến máy móc; Thương lượng, đàm phán; Viết; Vận chuyển; Lên kế hoạch, tổ chức. Các lĩnh vực khác, như: Sắp xếp và báo quản hồ sơ; Đọc, duyệt các văn bản; Chữa trị, chăm sóc; Tính toán; Phân loại, sắp xếp; Tổ chức, biểu diễn; Mua bán; Tiếp đón, phục vụ; Nghề mộc; Đưa ra quyết định; Dùng sức hay sự nhanh trí; Trình diễn, giải trí... Tuy có một số trường hợp HS thể hiện khả năng khá, thậm chí tốt, nhưng phần lớn vẫn là khả năng ở mức kém (chiếm từ 27-34 HS/35 HS KTTT tham gia khảo sát); những trẻ ngẫu nhiên có khả năng khá hoặc tốt ở một trong các lĩnh vực trên, có thể do HS KTTT có năng khiếu trội về lĩnh vực ấy (vẽ, chụp hình, biểu diễn thời trang, phân loại đồ vật) - dù chỉ số trí tuệ và kĩ năng thích ứng còn hạn chế, hoặc có HS KTTT được rèn nhiều khi ở nhà (trẻ biết làm nghề mộc do gia đình có xưởng mộc).

Có 3 lĩnh vực mà nhiều HS KTTT thể hiện kĩ năng khá nhất, đó là: Cày cấy trồng trọt; Thủ công, mỹ nghệ; Chăm sóc vật nuôi. Có lần lượt là 30 HS (khoảng 86%), 29 HS (83%) và 19 HS (54%) được đánh giá là có kĩ năng khá hoặc tốt.

2.2.3. Sở thích hướng nghiệp của nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ tham gia khảo sát

Sở thích cũng là một tiêu chí rất quan trọng ảnh hưởng lớn đến quá trình hướng nghiệp của mỗi cá nhân. Đối với HS KTTT, tìm hiểu được HS có những sở thích gì, sẽ giúp chúng ta định hướng nghề nghiệp cho các em trong tương lai được phù hợp và hiệu quả hơn.

Kết quả tìm hiểu sở thích của nhóm HS KTTT tham gia khảo sát cho thấy, số lượng trẻ thích các hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật là cao nhất với 32 HS (chiếm 92%); đứng thứ 2 là nhóm nghệ thuật với 23 HS (gần 66%), với các hoạt động liên quan đến biểu diễn, chơi nhạc cụ hoặc chụp ảnh. Tiếp theo là nhóm nghiệp vụ, với 17 HS được hỏi (gần 49%), phần lớn là HS có hứng thú với những việc như sắp xếp, tìm kiếm theo các nhiệm vụ cụ thể được phân công; HS thể hiện ít hứng thú nhất với những hoạt động thuộc nhóm quản lí, nhóm nghiên cứu, nhóm xã hội. Nhìn chung, sở thích của HS KTTT thể hiện tỉ lệ thuận với khả năng mà chúng ta đã tìm hiểu ở phần trên, HS KTTT có xu hướng thích những hoạt động mà mình biết về nó và có thể làm được, hơn là những hoạt động mà HS ít biết đến hoặc không có kĩ năng.

2.2.4. Tính cách của nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ tham gia khảo sát

Mỗi nhóm nghề nghiệp sẽ phù hợp với tính cách của một nhóm người nhất định; tìm hiểu tính cách của HS KTTT sẽ giúp chúng ta dựa vào đó để tư vấn cho HS nên chọn học nghề gì cho phù hợp; kết quả đánh giá về tính cách của HS KTTT dựa trên bảng kiểm tra tính cách của tác giả Holland, chúng tôi thu được kết quả như ở *bảng 2*:

Kết quả tìm hiểu tính cách tại *bảng 2* cho thấy, đại đa số (33 HS, tương đương 94%) HS KTTT thực hiện khảo sát đều thuộc nhóm có tính thực tế. Đúng thứ 2 là nhóm thích thẩm mỹ, với 15 HS (43%) lựa chọn. Những nhóm như thích hoạt động xã hội, thích kinh doanh xếp mức độ trung bình số HS

Bảng 2. Tính cách của HS KTTT

STT	Nhóm tính cách	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
1	Nhóm có tính thực tế	33	94	1
2	Nhóm thích điều tra	9	25	5
3	Nhóm thích thẩm mỹ	15	43	2
4	Nhóm thích hoạt động xã hội	12	34	3
5	Nhóm thích kinh doanh	10	29	4
6	Nhóm thích nguyên tắc	6	17	6

lựa chọn. Thấp nhất là nhóm thích điều tra và thích nguyên tắc. Kết quả trên cho thấy, có mối tương quan tỉ lệ thuận giữa tính cách và sở thích của các em. Đại đa số các em thích những công việc, hoạt động liên quan tới kĩ thuật (mang tính thực hành, thực tế) hoặc nghệ thuật (liên quan tới việc trình diễn hoặc làm ra các tác phẩm thủ công).

Bên cạnh đó, việc tìm hiểu tính cách của các HS KTTT tham gia khảo sát được thực hiện chủ yếu qua việc phỏng vấn ý kiến phụ huynh hoặc giáo viên để điền thông tin vào bảng hỏi, do phần lớn các HS KTTT khó tự diễn đạt được những nội dung mang tính trừu tượng liên quan đến tính cách. Vì vậy, ít nhiều mang tính chủ quan của người được hỏi; theo đó, yếu tố tính cách là yếu tố mang tính chất tham khảo, nhằm củng cố nhận định về khả năng và sở thích của các em.

3. Kết luận

Thông qua khảo sát, phân tích thực trạng về kĩ năng hướng nghiệp của HS KTTT học tại các trường chuyên biệt trên địa bàn TP. Hải Phòng cho thấy bức tranh chung nhận thức về hướng nghiệp của HS KTTT, bao gồm: Mức độ KTTT của các HS KTTT học tại trường chuyên biệt rất đa dạng; Mức độ về khả năng hướng nghiệp của HS KTTT tại các trường chuyên biệt còn rất thấp; Sở thích và tính cách của HS KTTT chỉ đáp ứng được một số nhóm nghề nghiệp, HS KTTT chưa có sở thích liên quan đến các nhóm nghề yêu cầu về nhận thức và tư duy ở mức độ cao. Kết quả thực trạng này là cơ sở thực tiễn giúp cho những người làm công tác giáo dục HS KTTT nói chung và GDHN nói riêng có thể lựa chọn các chủ đề GDHN, đề xuất các biện pháp cần thiết và có tính khả thi để nâng cao hiệu quả GDHN cho HS KTTT, góp phần nâng cao chất lượng giáo viên và hiệu quả giáo dục cho HS KTTT.

Tài liệu tham khảo

- Ali. M, Schur. L, Blanck. P (2011). *What types of jobs do people with disabilities want?* Journal of Occupational Rehabilitation, 21(2), 199-210.
- American Psychiatric Association (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorder, fifth edition.* DSM-5.
- Gilson. C. B., Carter. E. W. (2016). *Promoting social interactions and job independence for college students with autism or intellectual disability: A pilot study.* Journal of Autism and Developmental Disorders, 46, 3583-3596.
- Hồ Phụng Hoàng (2013). *Giúp con hướng nghiệp.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hoàng Yên, Đỗ Thị Thảo (2012). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ.* NXB Đại học Sư phạm.
- Richard L. Knowdell (2010). *Career Research and Testing.* www.careernetwork.org.
- Tổ chức Lao động quốc tế, Bộ GD-ĐT (2018). *Bộ sách hướng nghiệp - Sách tra cứu nghề nghiệp.* NXB Đại học Sư phạm.
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2018). *Báo cáo giáo dục nghề nghiệp Việt Nam 2018.* NXB Thanh niên.
- Trần Thị Lê Thu (2005). *Nghiên cứu hành vi thích ứng của trẻ chậm phát triển trí tuệ trong các lớp giáo dục đặc biệt ở Hà Nội.* Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- UNESCO (2019). *Đào tạo nghề, hướng nghiệp và việc làm cho trẻ vị thành niên (người đủ 15 đến 18 tuổi).*